

Số: 249/BVĐKHL

Hạ Long, ngày 23 tháng 8 năm 2023

“V/v thông báo nhu cầu thẩm định giá trang
thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn cho
Bệnh viện Đa khoa Hạ Long năm 2023”

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty/ Đơn vị thẩm định giá

Bệnh viện Đa khoa Hạ Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện Đa khoa Hạ Long năm 2023 như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long - Khu Trới 2 - phường Hoành Bồ - T.P Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên lạc của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Hoàng Tuấn, nhân viên phòng Kế hoạch - Vật tư Thiết bị y tế, SĐT: 0983.936.073, email: vanthubenhvienhalong@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Hạ Long - Khu Trới 2 - phường Hoành Bồ - T.P Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua Email: vanthubenhvienhalong@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày 23 tháng 8 năm 2023 đến trước 16h30' ngày 28 tháng 8 năm 2023.**

(Các báo giá được tiếp nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Thẩm định giá trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn cho Bệnh viện Đa khoa Hạ Long năm 2023 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Bệnh viện Đa khoa Hạ Long trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các công ty;
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phương



PHỤ LỤC 01

**DANH MỤC CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHỤC VỤ
CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA HẠ LONG NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số: *24/BVĐKHL* ngày 23/8/2023 của Bệnh viện Đa khoa Hạ Long)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bàn đê các loại (điều khiển điện)	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Yêu cầu kỹ thuật: Cấu hình, đặc tính kỹ thuật: 1. Cấu hình: - Bàn khám điều khiển thủy lực thủ công: 01 cái - Bàn đạp điều khiển bằng chân: 01 cái - Tấm nghỉ tay: 01 bộ - Đỡ đầu gối: 01 bộ - Tấm đỡ vai: 01 bộ - Khung màn che: 01 cái - khay đựng chất thải: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: - Kích thước mặt bàn (Rộng x dài): $\geq (600\text{ mm} \times 1.730\text{ mm})$ - Điều chỉnh chiều cao: $\leq 840\text{ mm}$ đến $\geq 900\text{ mm}$ - Điều chỉnh lưng: lên $\geq 75^{\circ}$ - Vị trí Trendelenburg: lên $\geq 25^{\circ}$/ xuống $\geq 10^{\circ}$ - Tấm đỡ chân có thể tháo rời	Cái	01
2	Bàn khám phụ khoa (điều khiển điện)	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Yêu cầu kỹ thuật: Cấu hình, đặc tính kỹ thuật: 1. Cấu hình: - Bàn khám điều khiển điện thủy lực: 01 cái	Cái	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Công tắc điều khiển bằng chân: 01 cái - Tấm nghỉ tay: 01 bộ - Đỡ đầu gối: 01 bộ - Khung màn che: 01 cái - khay đựng chất thải: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: - Kích thước mặt bàn (Rộng x dài): $\geq (550 \text{ mm} \times 1.180 \text{ mm})$ - Điều chỉnh chiều cao: $\leq 580 \text{ mm}$ đến $\geq 880 \text{ mm}$ - Điều chỉnh lưng: lên $\geq 50^\circ$/ xuống $\geq 5^\circ$ - Phần chỗ ngồi: $\geq 30^\circ$		
3	Máy theo dõi bệnh nhân	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^\circ\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Yêu cầu kỹ thuật: Cấu hình, đặc tính kỹ thuật: * Cấu hình: - Máy chính: 01 máy - Máy ghi nhiệt: 01 chiếc - Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: - Đầu dò nhiệt độ qua da: 01 chiếc - Cảm biến SpO2 dành cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Cảm biến SpO2 dành cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Cảm biến SpO2 dành cho trẻ sơ sinh sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Bao đo huyết áp người lớn: 01 chiếc - Bao đo huyết áp trẻ em: 01 chiếc - Bao đo huyết áp trẻ sơ sinh: 01 chiếc - Dây đo huyết áp với cổng kết nối: 01 chiếc - Dây cáp ECG: 01 chiếc - Dây nguồn: 01 chiếc - Điện cực dùng cho người lớn dùng một lần, (10 chiếc/gói): 03 gói - Pin Li-ion sạc: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ * Đặc tính kỹ thuật:	Máy	03

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Theo dõi tối thiểu 05 thông số: Nhịp thở, ECG, Huyết áp không xâm lấn, SpO2, Nhiệt độ 1. Màn hình hiển thị - Màn hình màu cảm ứng: ≥ 12 inch - Hiển thị ≥ 11 dạng sóng - Có chức năng cảnh báo sớm 2. Các thông số đo 2.1. Điện tim (ECG) - Dải đo nhịp tim: từ ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút - Độ chính xác: $\leq \pm 1\%$ hoặc $\leq \pm 2$ nhịp/phút - Độ phân giải: ≤ 1 nhịp/phút - Cài đặt được giới hạn báo động nhịp tim 2.2. Nhịp thở Dải đo: - Người lớn/trẻ em: từ 0 đến ≥ 120 nhịp/phút - Sơ sinh: 0 đến ≥ 150 nhịp/ phút - Độ chính xác: - Độ chính xác: $\leq \pm 2$ nhịp/ phút - Độ phân giải: ≤ 1 nhịp/phút - Cài đặt được giới hạn báo động nhịp thở 2.3. Nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2) - Dải đo: 0 đến 100% - Độ phân giải: $\leq 1\%$ - Độ chính xác: $\leq \pm 3\%$ - Nhịp mạch: từ ≤ 30 đến ≥ 300 nhịp/phút - Cài đặt được giới hạn báo động SpO2, nhịp mạch 2.4. Huyết áp không xâm lấn (NIBP) - Phương pháp đo: đo dao động - Dải đo: từ ≤ 40 đến ≥ 130 mmHg - Độ chính xác huyết áp: Độ chính xác : $\leq \pm 8$ mmHg - Nhịp mạch: từ ≤ 40 đến ≥ 240 Nhịp/phút - Cài đặt được giới hạn cảnh báo huyết áp 2.5. Nhiệt độ - Dải đo: từ ≤ 0 đến ≥ 45 độ C - Độ phân giải: $\leq 0,1$ độ C - Độ chính xác: $\leq \pm 0,2$ độ C - Cài đặt được giới hạn báo động nhiệt độ Cổng giao tiếp tối thiểu có: - Cổng USB - Cổng kết nối với chuông gọi y tá, RS-232, Cổng xuất dữ liệu Analog Đầu ghi nhiệt - số kênh: ≥ 3 kênh - Tốc độ in tối thiểu: 25mm/s, 50mm/s Pin		

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Thời gian làm việc ≥ 3 giờ		
4	Máy laser nội mạch	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Chiếc Đầu phát Laser: 02 chiếc Kim quang: 03 chiếc Chìa khóa an toàn: 01 chiếc Dây nguồn: 01 chiếc. Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Bước sóng: ≥ 635 nm - Số kênh phát: ≥ 02 kênh - Đường kính tia laser: ≤ 15 mm đến ≥ 40 mm - Công suất kênh laser phát: ≥ 5 mW - Cường độ dòng phát Laser: ≥ 30 mA - Thời gian trị liệu: 0 đến ≥ 99 phút	Máy	05
5	Máy siêu âm điều trị	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 chiếc - Đầu siêu âm: 01 chiếc - Gel siêu âm: 01 chai - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Chỉ định: ứng dụng trong vật lý trị liệu, có tác dụng làm lành vết thương và dẫn truyền thuốc qua da. Hỗ trợ điều trị trong: chấn thương, viêm cấp tính, các bệnh viêm khớp mãn tính, đau tại vùng sẹo hoặc các mô mềm - Siêu âm với tần số ≥ 1 MHz - Siêu âm chế độ xung và liên tục: Có	Máy	04

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Đầu phát siêu âm: $\geq 5 \text{ cm}^2$ - Có thể dùng siêu âm qua nước - Chọn mức tăng cường độ đầu ra: $\leq 0,1 \text{ W/cm}^2$ - Chức năng hẹn giờ: Có - Công suất ngõ vào: $\leq 60 \text{ W}$ - Điện tiêu thụ: $\leq 75 \text{ VA}$ - Điều khiển máy: Màn hình chạm cảm ứng - Thư viện phác đồ điều trị tham khảo: ≥ 14 chương trình - Cường độ công suất năng lượng phát sóng $\geq 1.5 \text{ W/cm}^2$ (liên tục), $\geq 3.0 \text{ W/cm}^2$ (xung) - Công xuất đầu ra: $\geq 6 \text{ W}$ - Lưu trữ chương trình điều trị riêng cho người sử dụng: có - Chế độ điều trị tối thiểu: Chế độ liên tục và chế độ xung - Điều chỉnh được độ nông sâu của sóng siêu âm: ≤ 1 đến $\geq 5 \text{ cm}$ - Cài đặt độ rộng vùng điều trị: $\geq 5 \text{ cm}^2$ - Thời gian điều trị: ≥ 30 phút - Tần số điều chế: ≤ 50 đến $\geq 150 \text{ Hz}$ với sai số $\leq \pm 5\%$		
6	Máy theo dõi sản khoa 02 chức năng	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^\circ\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Máy chính kèm máy in: 01 chiếc - Đầu dò đo tim thai: 01 chiếc - Đầu dò đo cơn co: 01 chiếc - Đai cố định đầu dò: 03 chiếc - Giấy in: 01 tập - Thiết bị đánh dấu: 01 chiếc - Gel siêu âm: 01 lọ - Pin: 01 cái - Xe đẩy: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Theo dõi nhịp tim thai, cơn co tử cung - Dải đo nhịp tim thai: từ ≤ 50 đến ≥ 200 nhịp/phút - Độ phân giải: ≤ 1 nhịp/ phút - Chức năng báo động hoặc cảnh báo: bằng âm thanh và hình ảnh Đo chuyển động thai nhi (FM)	Máy	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Dải đo cơn co: từ 0 đến 100% hoặc từ 0 đến ≥ 100 đơn vị - Màn hình màu cảm ứng $\geq 5,5$ inch - Thông tin hiển thị tối thiểu: CTG, thông số các phép đo của bà mẹ/ thai nhi, trạng thái thiết bị, các cài đặt Máy in - Nội dung in tối thiểu: ngày/tháng, nhãn thời gian, nhịp tim, chuyển động thai nhi - Tốc độ in tối thiểu ở các mức: 10 mm/phút, 20 mm/phút, 30 mm/ phút - Thời gian sử dụng ắc qui: ≥ 2 tiếng		
7	Đèn chiếu điều trị vàng da	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Thân đèn chính: 01 chiếc - Mặt nạ bảo vệ mắt trẻ sơ sinh: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Độ cao có thể điều chỉnh: ≤ 1200 mm đến ≥ 1700 mm - Bóng đèn LED, tối thiểu có: đèn điều trị vàng da và đèn thăm khám - Tuổi thọ đèn: ≥ 50.000 giờ - Dải bước sóng: ≤ 400 đến $\geq 550\text{nm}$ - Khu vực điều trị tối ưu: $\geq (320 \times 210 \text{ mm})$ với khoảng cách 40cm - Quang phổ bức xạ: $\geq (60 \text{ uW/cm}^2/\text{nm})$ - Thời gian cài đặt điều trị: ≤ 30 đến ≥ 240 phút - Thời gian hoạt động: Hiển thị thời gian hoạt động từ 0 đến ≥ 999 phút - Độ nghiêng bầu đèn: $\geq 35^{\circ}$ - Điều chỉnh cường độ chiếu sáng: tối thiểu 3 mức - Bánh xe: 04 bánh, có khóa hãm- Tần số điều chế: ≤ 50 đến $\geq 150 \text{ Hz}$ với sai số $\leq \pm 5\%$	Cái	01
8	Đèn mô di động	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Chân đế đèn có 4 bánh xe có khóa: 01 bộ - Trục đứng treo đèn: 01 cái - Cánh tay ngang treo đầu đèn điều chỉnh lên xuống được: 01 cái - Tay treo đầu đèn xoay được: 01 cái - Bảng điều khiển gắn trực tiếp trên đầu đèn: 01 cái - Tay nắm vô trùng (Hấp tiệt trùng được): 02 cái - Đầu đèn LED: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Đường kính đèn: $\geq 500\text{ mm}$ - Cường độ chiếu sáng tối đa: $\geq 90.000\text{ Lux}$ - Loại đèn: Thấu kính lồi - Nhiệt độ màu (K): từ ≤ 4.200 đến ≥ 4.400 - Chỉ số tạo màu CRI tối đa: $\geq 96\text{Ra}$ - Đường kính ánh sáng hội tụ: ≤ 120 đến $\geq 300\text{ mm}$ - Độ sâu chiếu sáng (mm): ≤ 800 đến ≥ 1.000 - Phạm vi mờ tối đa: $\geq 98\%$ - Tuổi thọ đèn LED: ≥ 50.000 giờ - Công suất tiêu thụ: $\leq 110\text{ W}$		
9	Bơm tiêm điện	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Màn hình hiển thị: Màn hình LCD hoặc tương đương $\geq 4\text{ inch}$ - Thể tích truyền: $\leq 0,1$ đến $\geq 1.200\text{ mL/h}$ - Thời gian sạc pin: ≤ 8 giờ - Cài đặt thời gian tiêm: ≤ 1 phút đến ≥ 99 giờ 59 phút (bước đặt ≤ 1 phút) - Các loại bơm tiêm có thể sử dụng được, tối thiểu có: 10mL, 20mL, 30mL, 50/60mL	Cái	05

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Thời gian sử dụng pin: ≥ 8 giờ		
10	Lồng ấp trẻ sơ sinh	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Thân máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 hệ thống - Bệ đặt máy có 04 bánh xe di chuyển: 01 chiếc - Modul điều trị vàng da: 01 bộ - Tấm đệm không cản quang: 01 chiếc - Bộ lọc Hepa filter: 03 chiếc - Cảm biến nhiệt độ da: 01 chiếc - Cảm biến nhiệt độ không khí: 01 chiếc - Cọc truyền dịch: 01 chiếc - Vỏ bọc lồng ấp: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Có thể chăm sóc đồng thời được tối thiểu hai trẻ sơ sinh trong cùng một lồng ấp - Độ ồn: ≤ 50 dB - Tốc độ không khí lưu thông dọc theo tấm nệm: ≤ 10 cm/giây - Quá nhiệt: $\leq 0.5^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ đồng nhất trên tấm nệm: $\leq 0.8^{\circ}\text{C}$ - Chế độ điều khiển: Theo nhiệt độ da/nhiệt độ không khí - Thời gian làm ấm: ≤ 20 phút - Bộ lọc không khí: Hiệu suất lọc $\geq 99\%$ với kích cỡ hạt bụi 0.3 μm Bảng điều khiển: + Màn hình hiển thị: Màn hình LCD hoặc tương đương. + Độ phân giải: $\geq 1024 \times 860$ pixels + Hiển thị các thông số: tối thiểu các thông số như Nhiệt độ không khí, Nhiệt độ da, Nhiệt độ cài đặt, Phần trăm độ ẩm, Phần trăm độ ẩm cài đặt + Số màn hiển thị: ≥ 5 màn hình Lồng chụp: + Kích thước lồng chụp: $\geq 800 \times 450 \times 500$ mm (Rộng x Cao x Sâu) + Cấu tạo lồng chụp: Loại hai vách ngăn + Cổng: ≥ 4 cổng thao tác và ≥ 2 cổng trao đổi khí + Kích thước cửa mở: $\geq 800 \times 350$ mm (Rộng x Cao)	Cái	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		+ Cổng luồn dây: Có ≥ 06 cổng luồn dây + Kích thước khay đựng nệm: $\geq 750 \times 420$ mm (Rộng x Sâu) + Kích thước nệm: $\geq 700 \times 20 \times 350$ mm (Rộng x Cao x Sâu) + Chiều cao từ mặt đệm đến vách phía trên của lồng chụp: ≥ 400 mm + Điều chỉnh độ nghiêng của nệm: $\geq \pm 12^0$ + Cọc truyền dịch: dài ≥ 125 cm Bộ lồng: + Kích thước bộ lồng: $\geq 1,000 \times 640$ mm (Rộng x Sâu) + Độ cao của bộ lồng: ≥ 700 mm + Thể tích: ≥ 80 L + Ngăn kéo: ≥ 1 chiếc + Góc mở cửa: $\geq 150^0$ + Bánh xe: 4 bánh, có khoá hãm Nhiệt độ da: + Dải hiển thị: từ ≤ 22 đến $\geq 42^0C$ + Dải điều khiển: ≤ 35 đến $\geq 37^0C$ + Độ chính xác: $\leq 0,3^0C$ + Độ phân giải: $\leq 0,1^0C$ Nhiệt độ không khí: + Dải hiển thị: từ ≤ 5 đến $\geq 50^0C$ + Dải điều khiển: từ ≤ 23 đến $\geq 37^0C$ + Độ chính xác: $\leq 0,3^0C$ + Độ phân giải: $\leq 0,1^0C$ Độ ẩm: + Chế độ điều khiển: Tự động điều khiển + Dải điều khiển độ ẩm: $\leq 40\%$ đến $\geq 90\%$. Mỗi bước điều chỉnh tăng / giảm $\leq 1\%$. + Dải hiển thị độ ẩm: $\leq 30\%$ đến $\geq 90\%$ + Độ chính xác: $\leq 5\%$ + Dung tích khay chứa nước: ≥ 1.000 ml Công suất tiêu thụ: + Công suất kháng đốt: ≤ 450 W + Công suất Hệ thống điều khiển: ≤ 60 W + Công suất Modul làm ẩm: ≤ 25 W. + Công suất Modul điều trị vàng da: ≤ 85 W Cảnh báo: - Tối thiểu có cảnh báo bằng âm thanh và đèn trong các trường hợp: Lỗi hệ thống; Quá nhiệt; Dòng không khí; Lỗi sensor; Nhiệt độ không khí; Mức nước thấp		
11	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100%	Bộ	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485 II. Cấu hình cung cấp và đặc tính kỹ thuật: - Cán dao mổ, số 4, dài 135mm: 01 cái - Cán dao mổ, số 7, dài 160mm: 01 cái - Kẹp răng Backhaus, dài 135mm: 01 cái - Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài 245mm: 01 cái - Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài 155mm: 01 cái - Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 200mm: 01 cái - Kéo phẫu tích Nelson-Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 230mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích, dài 180mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích, dài 200mm: 01 cái - Nhíp phẫu tích, thẳng, loại nhỡ, ngàm có khía, dài 200mm: 01 cái - Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 180mm: 01 cái - Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài 200mm: 01 cái - Kẹp ruột Judd-Allis, thẳng, ngàm có răng (3x4), dài 195mm: 01 cái - Kẹp động mạch Kelly, mảnh, cong, dài 140mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài 125mm: 01 cái - Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài 185mm: 01 cái - Kẹp mạch máu Kocher-Ochsner, cong, ngàm có răng (1x2), dài 240mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 4x5, dài 155mm: 01 cái - Kẹp ruột Judd-Allis, thẳng, ngàm có răng (3x4), dài 195mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích tử cung Jacobs, thẳng, ngàm có răng (2x2), dài 215mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích tử cung, thẳng, ngàm có răng (2x3), dài 185mm: 01 cái - Kẹp không chấn thương De Bakey, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài - 200mm, ngàm rộng 2mm: 01 cái - Kẹp ruột Babcock, thẳng, dài 200mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích tử cung Pozzi, loại khôe, dài 255mm: 01 cái - Kẹp tử cung/buồng trứng Saenger, cong, ngàm có răng, khớp vít, dài 265mm: 01 cái - Que thăm cổ tử cung Martin, cong, thân chia đoạn, dài 300mm, đường kính đầu 3mm: 01 cái		

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Đè tử cung, hai đầu, dài 270mm, đường kính hai đầu 24mm, 28mm: 01 cái - Dụng cụ xoắn u cơ, loại lớn, dài 150mm: 01 cái - Kẹp tử cung Heaney, cong, ngàm có răng, có rãnh, dài 245mm: 01 cái - Kẹp phúc mạc Faure, cong, ngàm có răng (1x2), dài 205mm: 01 cái - Bộ banh bụng Balfour hoàn chỉnh, sâu 200mm, rộng 250mm, độ banh rộng 235mm: 01 cái - Banh vết thương Collin-Hartmann, hai đầu, dài 150mm: 01 cái - Đè bụng/ruột Ribbon, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 30mm: 01 cái - Đè bụng/ruột Ribbon, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 50mm: 01 cái - Đè bụng/ruột Ribbon, dễ uốn, dài 330mm, lưỡi rộng 40mm: 01 cái - Banh âm đạo Doyen, dài 240mm, kích thước 120 x 45mm: 01 cái - Banh âm đạo Doyen, dài 240mm, kích thước 90 x 35mm: 01 cái - Kẹp mang kim Hegar-Mayo, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài 205mm: 01 cái - Kẹp phẫu tích và gấp chỉ, gấp góc phải, dài 230mm: 01 cái - Kéo cắt chỉ, cong, lưỡi gọn sóng, có khóa, mũi tù/tù, cán vàng, dài 230mm: 01 cái - Ống hút Yankauer, dài 285mm, đường kính 2mm, dùng cho ống hút đường kính 7-9mm: 01 cái - Bát đựng bệnh phẩm, dài 83mm, cao 41mm, rộng 54mm, dung tích 160ml: 01 cái - Bát đựng bệnh phẩm, dài 111mm, cao 72mm, rộng 56mm, dung tích 300 ml: 01 cái - Khay đựng hình quả thận, dài 250mm: 01 cái - Nắp trong hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, màu vàng, kích thước 582 x 291 x 36mm: 01 cái - Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, cỡ 1/1, kích thước ngoài 592 x 274 x 135mm, chất liệu hợp kim nhôm: 01 cái - Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1, có chân, kích thước 540 x 253 x 56 mm: 01 cái		
12	Bàn mổ (đa năng)	I. Thông tin chung: - Sản xuất từ năm 2023 trở đi - Thiết bị mới 100% - Giấy chứng nhận quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	01

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		- Nguồn điện: Điện áp 220 VAC, tần số 50 Hz - Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$, Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. Cấu hình cung cấp: - Bàn mổ kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 cái - Pin và sạc: 01 bộ - Bảng điều khiển điện tích hợp: 01 bộ - Phần đỡ đầu tiêu chuẩn: 01 cái - Phần đỡ chân tiêu chuẩn: 01 cái - Phần đỡ tay tiêu chuẩn: 01 bộ - Cọc truyền dịch: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Chiều rộng bàn: $\geq 700\text{ mm}$ - Chiều rộng đệm phần đỡ hông: $\geq 590\text{ mm}$ - Chiều cao khi phần đỡ lưng vuông góc: $\geq 1440\text{ mm}$ - Chiều dài tối đa của bàn: $\geq 1960\text{ mm}$ - Tải trọng hỗ trợ bệnh nhân tối đa: $\geq 135\text{ kg}$ - Điều chỉnh độ cao của bàn: $\leq 720\text{ mm}$ đến $\geq 980\text{ mm}$ - Tựa lưng: Gập dọc $\geq 90^{\circ}$ và góc gập cho vị trí shock $\leq -15^{\circ}$ - Đệm ghế: Gập dọc tối đa $\geq 20^{\circ}$ - Pin: có - Thời gian sạc: $\leq 4\text{ h}$ - Hoạt động liên tục của động cơ điện: $\geq 6\text{ phút}$		